

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**Số/No.: **49** /2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Ha Noi, 28 January 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

To: *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **25/01/2019**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	4,3%
2	BMP	50	0,2%
3	BVH	100	0,7%
4	CH	280	0,5%
5	CTD	60	0,6%
6	CTG	570	1,0%
7	DHG	50	0,3%
8	DPM	240	0,4%
9	DXG	400	0,8%
10	EIB	1.420	1,9%
11	FLC	870	0,4%
12	FPT	710	2,5%
13	GAS	150	1,1%
14	GMD	390	0,8%
15	HBC	220	0,3%
16	HCM	80	0,3%
17	HDB	1.060	2,6%

*m*

18	HPG	1.960	4,8%
19	HSG	380	0,2%
20	KBC	540	0,6%
21	KDC	190	0,3%
22	MBB	1.830	3,2%
23	MSN	800	5,1%
24	MWG	420	2,9%
25	NKG	140	0,1%
26	NLG	190	0,4%
27	NVL	490	2,3%
28	PDR	160	0,3%
29	PLX	180	0,8%
30	PNJ	210	1,6%
31	PVD	290	0,4%
32	PVS	300	0,4%
33	REE	260	0,7%
34	ROS	210	0,6%
35	SAB	140	2,7%
36	SBT	470	0,8%
37	SHB	1.500	0,9%
38	SSI	460	1,0%
39	STB	2.640	2,6%
40	VCB	550	2,5%
41	VCG	200	0,4%
42	VCI	170	0,5%
43	VCS	100	0,5%
44	VGC	300	0,5%
45	VHM	1.290	8,3%
46	VIC	1.360	11,5%
47	VJC	410	4,0%
48	VNM	1.010	11,2%
49	VPB	2.840	4,7%
50	VRE	1.610	3,9%
II	Tiền/Cash	8.163.797 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value*:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.212.240.100 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.220.403.897 VND
 - + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 8.163.797 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	90.300	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	25.550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	55.400	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	29.200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	EIB	16.100	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	42.450	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	21.200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	83.600	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



m

9	NLG	26.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	PNJ	90.700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	REE	32.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	VCG	24.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	20.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (25/01/2019)	Kỳ trước/Last Period (24/01/2019)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.250	12.200	50
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	118.379.178.035	118.066.827.914	312.350.121
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	1.220.403.897	1.217.183.792	3.220.105
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	12.204,03	12.171,83	32,20
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.385,38	1.384,20	1,18

